

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến M, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1967 (bà P đã ủy quyền cho ông M);

Địa chỉ: Khu 26, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1955 - Chức vụ: Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hùng Vương- Đoàn Luật sư tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Bà Tạ Thị Kim N, sinh năm 1961

Địa chỉ: Khu 6, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền nợ gốc, nợ lãi: Ông Nguyễn Tiến M, bà Nguyễn Thị Bích P (Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức H-

Luật sư) và bà Tạ Thị Kim N đều thống nhất xác nhận: Bà Tạ Thị Kim N còn nợ vợ chồng ông Nguyễn Tiến M và bà Nguyễn Thị Bích P số tiền gốc là 80.000.000.đ (Tám mươi triệu đồng) và tiền lãi là 23.240.000.đ (Hai mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng số tiền bà N còn nợ vợ chồng ông Nguyễn Tiến M và bà Nguyễn Thị Bích P là 103.240.000.đ. (Một trăm linh ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Tạ Thị Kim N phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền 103.240.000.đ. (Một trăm linh ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) cho vợ chồng Nguyễn Tiến M, bà Nguyễn Thị Bích P. Cụ thể thời gian trả nợ như sau:

Đến ngày 15/10/2021, bà Tạ Thị Kim N phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Tiến M và bà Nguyễn Thị Bích P số tiền gốc 40.000.000.đ (Bốn mươi triệu đồng);

Trường hợp bà N trả đúng thời hạn nêu trên thì vợ chồng ông M sẽ không yêu cầu bà N phải trả số tiền lãi 23.240.000.đ (Hai mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Từ ngày 15/11/2021, bà N phải có nghĩa vụ trả tiếp số tiền còn lại là 40.000.000.đ (Bốn mươi triệu đồng) cho vợ chồng ông M và bà P mỗi tháng phải trả số tiền từ 1.000.000.đ (một triệu đồng) đến 2.000.000.đ (hai triệu đồng) cho đến khi trả xong.

Trường hợp bà N không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ số tiền gốc 40.000.000.đ (bốn mươi triệu đồng) vào ngày 15/10/2021 thì bà phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông M số tiền lãi 23.240.000.đ (Hai mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) được cộng vào số tiền gốc còn lại và phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Tạ Thị Kim N được miễn toàn bộ số tiền 2.581.000.đ (Hai triệu năm trăm tám mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm vì thuộc hộ cận nghèo. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Tiến M (do ông Nguyễn Đức H nộp thay) số

tiền 2.500.000.đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số AA/2020/0002631 ngày 18/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa (*Lưu hồ sơ vụ án*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã Ký

Tô Mạnh Tiến